

**DANH SÁCH SINH VIÊN CQ50&51 THUỘC ĐIỆN CẢNH BÁO KẾT QUẢ HỌC TẬP
RÚT BỐT HỌC PHẦN/MÔN HỌC HKII (ĐỢT 2) NĂM HỌC 2013-2014**

(Kèm theo Thông báo số: 20/TB-QLĐT ngày 23/04/2014)

TT	Khoa	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Tên học phần	TC	Lớp tín chỉ	Ghi chú
Khóa 50								
1	Kế toán	22.02	125D3403010625	Nguyễn Tiến Đức	Kinh tế lượng	3	QEC0096C5022.3 LT	
	Kế toán	22.02	125D3403010625	Nguyễn Tiến Đức	Mô hình toán kinh tế	2	MMO0113C5022.3 LT	
2	Kế toán	22.05	125D3403010752	Nguyễn Viết Quảng	Mô hình toán kinh tế	2	MMO0113C5022.4 LT	
3	Kế toán	22.08	125D3403010849	Trần Cao Lâm	Kinh tế lượng	3	QEC0096C5022.3 LT	
	Kế toán	22.08	125D3403010849	Trần Cao Lâm	Mô hình toán kinh tế	2	MMO0113C5022.3 LT	
4	NH-BH	15.03	125D3402011469	Nguyễn Thị Hồng Vân	Quan hệ công chúng	2	PRE0144C5015.2 LT	
	NH-BH	15.03	125D3402011469	Nguyễn Thị Hồng Vân	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	HVE0244C5015.2 LT	
5	NH-BH	15.04	125D3402011507	Nguyễn Trần Huyền Trang	Kinh tế môi trường	2	EEC0097C5015.1 LT	
	NH-BH	15.04	125D3402011507	Nguyễn Trần Huyền Trang	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	HVE0244C5015.1 LT	
6	NH-BH	15.07	125D3402011614	Vũ Đình Nam	Kinh tế môi trường	2	EEC0097C5015.4 LT	
	NH-BH	15.07	125D3402011614	Vũ Đình Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	HVE0244C5015.4 LT	
7	Thuế-HQ	05.03	125D3402010410	Vũ Đình Đạt	Kinh tế lượng	3	QEC0096C5005.2 LT	
	Thuế-HQ	05.03	125D3402010410	Vũ Đình Đạt	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	HVE0244C5005.2 LT	
Khóa 51								
8	HTTTKT	41.01	135D3404050005	Bùi Minh Dũng	Kinh tế môi trường	2	EEC0097C5141.1 LT	
9	HTTTKT	41.01	135D3404050006	Trần Đức Dũng	Kinh tế môi trường	2	EEC0097C5141.2 LT	
10	HTTTKT	41.01	135D3404050023	Giáp Khánh Ninh	Quản lý hành chính công	2	PAM0148C5141.1 LT	
11	HTTTKT	41.01	135D3404050034	Nguyễn Đỗ Khánh Tuấn	Kinh tế môi trường	2	EEC0097C5141.2 LT	
12	HTTTKT	41.02	135D3404050045	Nguyễn Vũ Việt Dũng	Kinh tế môi trường	2	EEC0097C5141.1 LT	
13	HTTTKT	41.03	135D3404050074	Nguyễn Hải Anh	Kinh tế môi trường	2	EEC0097C5141.2 LT	
14	HTTTKT	41.03	135D3404050086	Hà Diệu Linh	Kinh tế môi trường	2	EEC0097C5141.1 LT	
15	HTTTKT	41.05	135D3404050125	Nguyễn Nhật Anh	Quản lý hành chính công	2	PAM0148C5141.3 LT	
16	Kế toán	21.01	135D3403010002	Nguyễn Thế Anh	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.10 LT	
	Kế toán	21.01	135D3403010002	Nguyễn Thế Anh	Xã hội học	2	SOC0248C5121.10 LT	
17	Kế toán	21.01	135D3403010007	Phạm Trung Hiếu	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.7 LT	
	Kế toán	21.01	135D3403010007	Phạm Trung Hiếu	Xã hội học	2	SOC0248C5121.7 LT	
18	Kế toán	21.02	135D3403010040	Vũ Văn Bắc	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.2 LT	
	Kế toán	21.02	135D3403010040	Vũ Văn Bắc	Xã hội học	2	SOC0248C5121.10 LT	
19	Kế toán	21.03	135D3403010072	Phan Tuấn Anh	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	ETH0102C5121.4 LT	
	Kế toán	21.03	135D3403010072	Phan Tuấn Anh	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.4 LT	
20	Kế toán	21.03	135D3403010079	Đoàn Văn Hiếu	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	ETH0102C5121.4 LT	
	Kế toán	21.03	135D3403010079	Đoàn Văn Hiếu	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.4 LT	
21	Kế toán	21.03	135D3403010086	Phạm Thị Hường	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.7 LT	
	Kế toán	21.03	135D3403010086	Phạm Thị Hường	Xã hội học	2	SOC0248C5121.7 LT	
22	Kế toán	21.05	135D3403010150	Nguyễn Thị Thu Hồng	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.9 LT	

TT	Khoa	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Tên học phần	TC	Lớp tín chỉ	Ghi chú
	Kế toán	21.05	135D3403010150	Nguyễn Thị Thu Hồng	Xã hội học	2	SOC0248C5121.9 LT	
23	Kế toán	21.06	135D3403010176	Hoàng Thị Phương Anh	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	ETH0102C5121.1 LT	
	Kế toán	21.06	135D3403010176	Hoàng Thị Phương Anh	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.10 LT	
24	Kế toán	21.06	135D3403010197	Đoàn Văn Sơn	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.5 LT	
	Kế toán	21.06	135D3403010197	Đoàn Văn Sơn	Xã hội học	2	SOC0248C5121.5 LT	
25	Kế toán	21.06	135D3403010206	Phạm Văn Tuyên	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.10 LT	
	Kế toán	21.06	135D3403010206	Phạm Văn Tuyên	Xã hội học	2	SOC0248C5121.10 LT	
26	Kế toán	21.07	135D3403010232	Trịnh Xuân Phú	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.5 LT	
	Kế toán	21.07	135D3403010232	Trịnh Xuân Phú	Xã hội học	2	SOC0248C5121.5 LT	
27	Kế toán	21.07	135D3403010237	Nông Thị Kim Thùy	Kinh tế vi mô	3	MIE0100C5121.6 LT	
	Kế toán	21.07	135D3403010237	Nông Thị Kim Thùy	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.6 LT	
28	Kế toán	21.09	135D3403010294	Lương Gia Huy	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	ETH0102C5121.1 LT	
	Kế toán	21.09	135D3403010294	Lương Gia Huy	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.1 LT	
29	Kế toán	21.09	135D3403010308	Hồ Minh Trang	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	ETH0102C5121.3 LT	
	Kế toán	21.09	135D3403010308	Hồ Minh Trang	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.3 LT	
30	Kế toán	21.11	135D3403010364	Lê Hồng Ngọc	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	ETH0102C5121.2 LT	
	Kế toán	21.11	135D3403010364	Lê Hồng Ngọc	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.2 LT	
31	Kế toán	21.12	135D3403010396	Nguyễn Công Thọ	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	ETH0102C5121.2 LT	
	Kế toán	21.12	135D3403010396	Nguyễn Công Thọ	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.2 LT	
32	Kế toán	21.15	135D3403010470	Lê Minh Anh	Kinh tế vi mô	3	MIE0100C5121.2 LT	
	Kế toán	21.15	135D3403010470	Lê Minh Anh	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.2 LT	
33	Kế toán	21.16	135D3403010509	Đinh Thị Hoa	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.6 LT	
	Kế toán	21.16	135D3403010509	Đinh Thị Hoa	Xã hội học	2	SOC0248C5121.6 LT	
34	Kế toán	21.17	135D3403010560	Lê Thành Quân	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	ETH0102C5121.3 LT	
	Kế toán	21.17	135D3403010560	Lê Thành Quân	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.3 LT	
35	Kế toán	21.18	135D3403010589	Nguyễn Thị Thử	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	ETH0102C5121.2 LT	
	Kế toán	21.18	135D3403010589	Nguyễn Thị Thử	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.2 LT	
36	Kế toán	21.18	135D3403010596	Vũ Hoàng Tuấn	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.5 LT	
	Kế toán	21.18	135D3403010596	Vũ Hoàng Tuấn	Xã hội học	2	SOC0248C5121.5 LT	
37	Kế toán	21.20	135D3403011072	Dương Anh Tuấn	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	ETH0102C5121.3 LT	
	Kế toán	21.20	135D3403011072	Dương Anh Tuấn	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5121.3 LT	
38	Kế toán	22.01	135D3403010682	Hoàng Mai Quyền	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5122.3 LT	
	Kế toán	22.01	135D3403010682	Hoàng Mai Quyền	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5122.3 LT	
39	Kế toán	22.02	135D3403010699	Hoàng Văn Đoàn	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5122.3 LT	
	Kế toán	22.02	135D3403010699	Hoàng Văn Đoàn	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5122.3 LT	
40	Kế toán	22.02	135D3403010723	Kha Đức Thanh	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5122.3 LT	
	Kế toán	22.02	135D3403010723	Kha Đức Thanh	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5122.3 LT	
41	Kế toán	22.07	135D3403010933	Phạm Quang Vĩnh	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5122.1 LT	
	Kế toán	22.07	135D3403010933	Phạm Quang Vĩnh	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5122.1 LT	
42	Kế toán	23.01	135D3403010981	Bùi Thị Chi	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5123.1 LT	
	Kế toán	23.01	135D3403010981	Bùi Thị Chi	Xã hội học	2	SOC0248C5123.1 LT	
43	Kế toán	23.01	135D3403010996	La Thị Loan	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5123.1 LT	

TT	Khoa	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Tên học phần	TC	Lớp tín chỉ	Ghi chú
	Kế toán	23.01	135D3403010996	La Thị Loan	Xã hội học	2	SOC0248C5123.1 LT	
44	Kế toán	23.02	135D3403011038	Đặng Thuỳ Linh	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5123.1 LT	
	Kế toán	23.02	135D3403011038	Đặng Thuỳ Linh	Xã hội học	2	SOC0248C5123.1 LT	
45	Kế toán	23.02	135D3403011045	Triệu Thị Nái	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5123.1 LT	
	Kế toán	23.02	135D3403011045	Triệu Thị Nái	Xã hội học	2	SOC0248C5123.1 LT	
46	Kế toán	23.02	135D3403011054	Triệu Thị Thu Trang	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5123.1 LT	
	Kế toán	23.02	135D3403011054	Triệu Thị Thu Trang	Xã hội học	2	SOC0248C5123.1 LT	
47	Kinh tế	62.01	135D3101010085	Nguyễn Minh Phương	Tin học đại cương	3	GCO0233C5162.1 LT	
48	Kinh tế	62.02	135D3101010117	Nguyễn Hoàng Tuấn	Tin học đại cương	3	GCO0233C5162.1 LT	
49	Kinh tế	62.02	135D3101010127	Trịnh Ngọc Bảo Thắng	Tin học đại cương	3	GCO0233C5162.1 LT	
50	NH-BH	03.01	135D3402010268	Nguyễn Thế Bình	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5103.1 LT	
51	NH-BH	03.01	135D3402010298	Hứa Minh Tiến	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5103.1 LT	
52	NH-BH	03.02	135D3402010309	Ngô Minh Đức	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5103.1 LT	
53	NH-BH	03.02	135D3402010320	Nguyễn Minh Long	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5103.1 LT	
54	NH-BH	15.01	135D3402011330	Lê Tuấn Anh	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5115.3 LT	
55	NH-BH	15.01	135D3402011345	Hoàng Minh Khôi	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5115.3 LT	
56	NH-BH	15.02	135D3402011369	Hoàng Ngọc Anh	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5115.3 LT	
57	NH-BH	15.02	135D3402011372	Nguyễn Trung Anh	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5115.3 LT	
58	NH-BH	15.02	135D3402011375	Phùng Đức Cường	Pháp luật đại cương	2	GLA0141C5115.3 LT	
59	NH-BH	15.02	135D3402011376	Phùng Đức Cường	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5115.3 LT	
60	NH-BH	15.02	135D3402011385	Cần Thịnh Khang	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5115.3 LT	
61	NH-BH	15.02	135D3402011394	Hồ Văn Nội	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5115.1 LT	
62	NH-BH	15.04	135D3402011445	Hoàng Bảo Anh	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5115.2 LT	
63	NH-BH	15.04	135D3402011449	Phạm Thành Đạt	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5115.3 LT	
64	NH-BH	15.05	135D3402011787	Vanatsananh VANNAETH	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5115.1 LT	
65	NH-BH	19.01	135D3402011681	Hoàng Vũ An	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5119.1 LT	
	NH-BH	19.01	135D3402011681	Hoàng Vũ An	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5119.1 LT	
66	NH-BH	19.02	135D3402011717	Lương Ngọc Dũng	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5119.1 LT	
	NH-BH	19.02	135D3402011717	Lương Ngọc Dũng	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5119.1 LT	
67	NH-BH	19.02	135D3402011718	Nguyễn Đức Dương	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5119.1 LT	
	NH-BH	19.02	135D3402011718	Nguyễn Đức Dương	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5119.2 LT	
68	NH-BH	19.02	135D3402011738	Nguyễn Phan Nhật Tân	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5119.1 LT	
	NH-BH	19.02	135D3402011738	Nguyễn Phan Nhật Tân	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5119.1 LT	
69	NN	51.02	135D2202010039	Lô Quốc Anh Đáo	Dẫn luận ngôn ngữ	2	LGE0019C5151.1 LT	
	NN	51.02	135D2202010039	Lô Quốc Anh Đáo	Kinh tế vĩ mô	2	MAE0101C5151.1 LT	
	NN	51.02	135D2202010039	Lô Quốc Anh Đáo	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5151.1 LT	
70	QTKD	31.01	135D3401010024	Nguyễn Đắc Sự	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5131.1 LT	
	QTKD	31.01	135D3401010024	Nguyễn Đắc Sự	Xã hội học	2	SOC0248C5131.1 LT	
71	QTKD	31.01	135D3401010025	Phạm Thị Phương Thảo	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5131.1 LT	
	QTKD	31.01	135D3401010025	Phạm Thị Phương Thảo	Xã hội học	2	SOC0248C5131.1 LT	
72	QTKD	31.02	135D3401010046	Thái Đình Khang	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5131.1 LT	
	QTKD	31.02	135D3401010046	Thái Đình Khang	Xã hội học	2	SOC0248C5131.1 LT	

TT	Khoa	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Tên học phần	TC	Lớp tín chỉ	Ghi chú
73	QTKD	31.02	135D3401010055	Mai Thị Trang	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5131.1 LT	
	QTKD	31.02	135D3401010055	Mai Thị Trang	Xã hội học	2	SOC0248C5131.1 LT	
74	QTKD	31.02	135D3401010123	Phạm Trang Ly	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5131.1 LT	
	QTKD	31.02	135D3401010123	Phạm Trang Ly	Xã hội học	2	SOC0248C5131.1 LT	
75	QTKD	32.01	135D3401010067	Lưu Thị Hồng	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5132.1 LT	
	QTKD	32.01	135D3401010067	Lưu Thị Hồng	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	ETH0102C5132.1 LT	
76	QTKD	32.01	135D3401010069	Nguyễn Trọng Hùng	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5132.1 LT	
	QTKD	32.01	135D3401010069	Nguyễn Trọng Hùng	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	ETH0102C5132.1 LT	
77	QTKD	32.01	135D3401010072	Đoàn Đức Long	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5132.1 LT	
	QTKD	32.01	135D3401010072	Đoàn Đức Long	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	ETH0102C5132.1 LT	
78	QTKD	32.02	135D3401010087	Lê Tuấn Anh	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5132.1 LT	
	QTKD	32.02	135D3401010087	Lê Tuấn Anh	Xã hội học	2	SOC0248C5132.1 LT	
79	QTKD	32.02	135D3401010096	Nguyễn Chí Hiệp	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5132.1 LT	
	QTKD	32.02	135D3401010096	Nguyễn Chí Hiệp	Xã hội học	2	SOC0248C5132.1 LT	
80	TCC	01.01	135D3402010010	Trần Quốc Độ	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5101.2 LT	
81	TCC	01.01	135D3402010031	Trần Phương Thảo	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5101.1 LT	
82	TCC	01.02	135D3402010049	Phạm Anh Đức	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5101.2 LT	
83	TCC	01.02	135D3402010053	La Văn Huỳnh	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5101.2 LT	
84	TCC	01.02	135D3402010063	Hoàng Hùng Mạnh	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5101.2 LT	
85	TCC	01.02	135D3402010071	Nguyễn Anh Sơn	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5101.1 LT	
86	TCC	01.02	135D3402010075	Nguyễn Quang Tiến	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5101.2 LT	
87	TCC	01.02	135D3402010080	Nguyễn Thị Tú	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5101.2 LT	
88	TCC	01.02	135D3402010081	Phạm Thị Thảo Uyên	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5101.2 LT	
89	TCC	01.03	135D3402010103	Trần Minh Long	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5101.1 LT	
90	TCC	01.03	135D3402010114	Tái Thị Thu	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5101.1 LT	
91	TCC	01.04	135D3402010123	Lê Thị Quỳnh Anh	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5101.1 LT	
92	TCC	01.04	135D3402010124	Nguyễn Hoàng Anh	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5101.1 LT	
93	TCC	01.04	135D3402010126	Nguyễn Xuân Hoạch	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5101.1 LT	
94	TCC	01.04	135D3402010128	Nguyễn Văn Minh	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5101.4 LT	
95	TCC	01.04	135D3402010129	Nguyễn Hoàng Nam	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5101.1 LT	
96	TCC	01.04	135D3402010135	Đỗ Trần Trí	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5101.1 LT	
97	TCC	01.04	135D3402010137	Nguyễn Thế Trung	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5101.1 LT	
98	TCC	01.04	135D3402010138	Nguyễn Phan Anh Tú	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5101.1 LT	
99	TCC	01.04	135D3402011779	PHOMMAVICHITH Tamngeun	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5101.2 LT	
100	TCC	18.01	135D3402011629	Hoàng Thục Linh	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5118.1 LT	
	TCC	18.01	135D3402011629	Hoàng Thục Linh	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5118.1 LT	
101	TCC	18.01	135D3402011635	Bùi Ngọc Phương	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5118.1 LT	
	TCC	18.01	135D3402011635	Bùi Ngọc Phương	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5118.1 LT	
102	TCC	18.02	135D3402011649	Nguyễn Thị Trâm Anh	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5118.1 LT	
	TCC	18.02	135D3402011649	Nguyễn Thị Trâm Anh	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5118.1 LT	
103	TCDN	11.04	135D3402010713	Phạm Văn Lân	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5111.10 LT	
104	TCDN	11.04	135D3402010714	Cầm Mỹ Linh	Tin học đại cương	3	GCO0233C5111.10 LT	

TT	Khoa	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Tên học phần	TC	Lớp tín chỉ	Ghi chú
105	TCĐN	11.10	135D3402010963	Bùi Xuân Soạn	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5111.10 LT	
106	TCĐN	11.16	135D3402011191	Nguyễn Tài Linh	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5111.13 LT	
107	TCĐN	11.18	135D3402011249	Lại Minh Khang	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5111.5 LT	
108	TCĐN	11.21	135D3402011840	Trịnh Xuân Hoàng Hà	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5111.2 LT	
109	TCĐN	11.21	135D3402011849	Mai Thế Hoàn	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5111.1 LT	
110	TCĐN	11.21	135D3402011850	Lâm Việt Hùng	Toán cao cấp 2		AMA0238C5111.1 LT	
111	TCĐN	11.21	135D3402011851	Lê Bảo Hưng	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5111.1 LT	
112	TCĐN	11.22	135D3402011826	Đặng Quốc Cường	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5111.5 LT	
113	TCĐN	11.22	135D3402011880	Nguyễn Hoàng Thắng	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5111.10 LT	
114	TCĐN	11.22	135D3402011890	Phạm Thu Trang	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5111.10 LT	
115	TCĐN	11.22	135D3402011892	Phạm Minh Trung	Tin học đại cương	3	GCO0233C5111.10 LT	
116	TCĐN	16.01	135D3402011557	Nguyễn Ngọc Linh	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5116.1 LT	
	TCĐN	16.01	135D3402011557	Nguyễn Ngọc Linh	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5116.1 LT	
117	TCĐN	16.01	135D3402011575	Trần Phương Trinh	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5116.1 LT	
	TCĐN	16.01	135D3402011575	Trần Phương Trinh	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5116.1 LT	
118	TCĐN	16.02	135D3402011578	Nguyễn Hải An	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5116.1 LT	
	TCĐN	16.02	135D3402011578	Nguyễn Hải An	Toán cao cấp 2	2	AMA0238C5116.1 LT	
119	TCQT	08.02	135D3402010507	Trịnh Đức Long	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5108.1 LT	
	TCQT	08.02	135D3402010507	Trịnh Đức Long	Kinh tế môi trường	2	EEC0097C5108.1 LT	
120	TCQT	08.03	135D3402010523	Nguyễn Tiến Đạt	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5108.2 LT	
	TCQT	08.03	135D3402010523	Nguyễn Tiến Đạt	Kinh tế môi trường	2	EEC0097C5108.2 LT	
121	TCQT	08.04	135D3402010553	Đỗ Triều Dương	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5108.1 LT	
	TCQT	08.04	135D3402010553	Đỗ Triều Dương	Kinh tế môi trường	2	EEC0097C5108.1 LT	
122	TCQT	08.04	135D3402010554	Phạm Đức Giang	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5108.2 LT	
	TCQT	08.04	135D3402010554	Phạm Đức Giang	Kinh tế môi trường	2	EEC0097C5108.2 LT	
123	TCQT	08.04	135D3402011789	SIHAVONG Sirivanh	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5108.2 LT	
	TCQT	08.04	135D3402011789	SIHAVONG Sirivanh	Kinh tế môi trường	2	EEC0097C5108.2 LT	
124	Thuế-HQ	02.01	135D3402010140	Nguyễn Thị Thảo Anh	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.1 LT	
	Thuế-HQ	02.01	135D3402010140	Nguyễn Thị Thảo Anh	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5102.1 LT	
125	Thuế-HQ	02.01	135D3402010141	Nguyễn Việt Anh	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.1 LT	
	Thuế-HQ	02.01	135D3402010141	Nguyễn Việt Anh	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.1 LT	
126	Thuế-HQ	02.01	135D3402010144	Nguyễn Văn Bình	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.1 LT	
	Thuế-HQ	02.01	135D3402010144	Nguyễn Văn Bình	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5102.1 LT	
127	Thuế-HQ	02.01	135D3402010145	Đàm Linh Chi	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.1 LT	
	Thuế-HQ	02.01	135D3402010145	Đàm Linh Chi	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.1 LT	
128	Thuế-HQ	02.01	135D3402010151	Vũ Quý Đạt	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.1 LT	
	Thuế-HQ	02.01	135D3402010151	Vũ Quý Đạt	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.1 LT	
129	Thuế-HQ	02.02	135D3402010176	Đồng Quốc Cường	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.1 LT	
	Thuế-HQ	02.02	135D3402010176	Đồng Quốc Cường	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.1 LT	
130	Thuế-HQ	02.02	135D3402010190	Triệu Việt Hùng	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.1 LT	
	Thuế-HQ	02.02	135D3402010190	Triệu Việt Hùng	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.1 LT	
131	Thuế-HQ	02.02	135D3402010192	Phạm Văn Khánh	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.1 LT	

TT	Khoa	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Tên học phần	TC	Lớp tín chỉ	Ghi chú
	Thuế-HQ	02.02	135D3402010192	Phạm Văn Khánh	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.1 LT	
132	Thuế-HQ	02.02	135D3402010194	Vũ Thế Mạnh	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.1 LT	
	Thuế-HQ	02.02	135D3402010194	Vũ Thế Mạnh	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.1 LT	
133	Thuế-HQ	02.02	135D3402010201	Đào Thị Quế	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.1 LT	
	Thuế-HQ	02.02	135D3402010201	Đào Thị Quế	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.1 LT	
134	Thuế-HQ	02.02	135D3402010205	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.1 LT	
	Thuế-HQ	02.02	135D3402010205	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.1 LT	
135	Thuế-HQ	02.03	135D3402010228	Hoàng Thị Lý	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.2 LT	
	Thuế-HQ	02.03	135D3402010228	Hoàng Thị Lý	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.2 LT	
136	Thuế-HQ	02.03	135D3402010238	Nguyễn Hoàng Thịnh	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.2 LT	
	Thuế-HQ	02.03	135D3402010238	Nguyễn Hoàng Thịnh	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.2 LT	
137	Thuế-HQ	02.04	135D3402010246	Phạm Quang Anh	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.2 LT	
	Thuế-HQ	02.04	135D3402010246	Phạm Quang Anh	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.2 LT	
138	Thuế-HQ	02.04	135D3402010248	Dương Xuân Bình	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.2 LT	
	Thuế-HQ	02.04	135D3402010248	Dương Xuân Bình	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.2 LT	
139	Thuế-HQ	02.04	135D3402010257	Đặng Thị Lệ	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.2 LT	
	Thuế-HQ	02.04	135D3402010257	Đặng Thị Lệ	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.2 LT	
140	Thuế-HQ	02.04	135D3402010258	Vũ Đức Minh	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.2 LT	
	Thuế-HQ	02.04	135D3402010258	Vũ Đức Minh	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.2 LT	
141	Thuế-HQ	02.04	135D3402010260	Trương Công Quang	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.2 LT	
	Thuế-HQ	02.04	135D3402010260	Trương Công Quang	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.2 LT	
142	Thuế-HQ	02.04	135D3402010261	Bùi Thái Quý	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.2 LT	
	Thuế-HQ	02.04	135D3402010261	Bùi Thái Quý	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.2 LT	
143	Thuế-HQ	02.04	135D3402011780	OUDOMPHONE Kommany	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.2 LT	
	Thuế-HQ	02.04	135D3402011780	OUDOMPHONE Kommany	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.2 LT	
144	Thuế-HQ	02.04	135D3402011782	CHANPASERD Bounsalee	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.2 LT	
	Thuế-HQ	02.04	135D3402011782	CHANPASERD Bounsalee	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.2 LT	
145	Thuế-HQ	02.04	135D3402011806	Trần Đại Pháp	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	VPP0027C5102.2 LT	
	Thuế-HQ	02.04	135D3402011806	Trần Đại Pháp	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3	MPT0126C5102.2 LT	
146	Thuế-HQ	05.02	135D3402011812	Nguyễn Thị Lê Hiền	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	ETH0102C5105.1 LT	
	Thuế-HQ	05.02	135D3402011812	Nguyễn Thị Lê Hiền	Quản lý hành chính công	2	PAM0148C5105.1 LT	
147	Thuế-HQ	05.03	135D3402010402	Nguyễn Thị Thủy Dương	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	ETH0102C5105.1 LT	
	Thuế-HQ	05.03	135D3402010402	Nguyễn Thị Thủy Dương	Quản lý hành chính công	2	PAM0148C5105.1 LT	
148	Thuế-HQ	05.03	135D3402010422	Lê Khánh Thiện	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5105.1 LT	
149	Thuế-HQ	05.03	135D3402011783	PHOUMIPHONH Xayphasouk	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	ETH0102C5105.1 LT	
	Thuế-HQ	05.03	135D3402011783	PHOUMIPHONH Xayphasouk	Quản lý hành chính công	2	PAM0148C5105.1 LT	
150	Thuế-HQ	05.03	135D3402011784	VONGLORKHAM Saman	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	ETH0102C5105.1 LT	
	Thuế-HQ	05.03	135D3402011784	VONGLORKHAM Saman	Quản lý hành chính công	2	PAM0148C5105.1 LT	
151	Thuế-HQ	05.04	135D3402010437	Nguyễn Quang Hà	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5105.4 LT	
152	Thuế-HQ	05.04	135D3402010438	Nguyễn Thị Hà	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5105.3 LT	
153	Thuế-HQ	05.04	135D3402010440	Nguyễn Thúy Hằng	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5105.4 LT	
154	Thuế-HQ	05.04	135D3402010459	Phạm Thế Tuyển	Ngoại ngữ cơ bản 1	3	BFL0117C5105.4 LT	

TT	Khoa	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Tên học phần	TC	Lớp tín chỉ	Ghi chú
Khóa 16 - Liên thông đại học								
155	Kế toán	21.01	13LD3403010012	Nguyễn Thị Hương	Kinh tế lượng	3	QEC0096L16.1_LT	
156	TCDN	11.01	13LD3402010029	Võ Quốc Ngụ	Nguyên lý kế toán	4	APR0123L16.1_LT	
157	TCDN	11.01	13LD3402010032	Trần Anh Quang				Xóa tên, QĐ420
Khóa 13 - Đại học văn bằng 2								
158	Kế toán	21.01	136D3403010001	Trần Anh A				Xóa tên, QĐ419
159	Kế toán	21.01	136D3403010007	Dương Anh Đức	Marketing căn bản	2	GMA0111B1321.1_LT	
160	Kế toán	21.01	136D3403010019	Trần Duy Kiên	Marketing căn bản	2	GMA0111B1321.1_LT	
	Kế toán	21.01	136D3403010019	Trần Duy Kiên	Mô hình toán kinh tế	2	MMO0113B1321.1_LT	
161	Kế toán	21.01	136D3403010071	Lê Anh Tuấn				Xóa tên, QĐ419
162	Kế toán	21.01	136D3403010073	Bùi Thi Phùng Vinh				Xóa tên, QĐ419

